

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 178/2017/DSPT

Ngày: 04 – 12 – 2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

- *Các Thẩm phán:* 1/ Ông Nguyễn Chế Linh

2/ Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phan Nguyễn Minh Trí, cán bộ tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Giang Thị Kim Ngừ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2017/QĐPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1956

Địa chỉ: đường BT, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: đường N, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Út Em, Văn phòng Luật sư Võ Út Em, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Dương Hồng H, sinh năm 1969

Hộ khẩu thường trú: khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: đường BM, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Hồng Du, Văn phòng Luật sư Vạn Lý, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà NLQ1

Hộ khẩu thường trú: khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: đường BM, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông NLQ2

Địa chỉ: đường P, Khóm M, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 26.3.2015 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Quang D trình bày như sau:

Vào ngày 03.11.2011, nguyên đơn có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông NLQ2 nhưng ông NLQ2 yêu cầu nguyên đơn giao cho bị đơn làm các thủ tục để ông NLQ2 xây dựng cây xăng. Do ông NLQ2 có đưa tiền đặt cọc cho nguyên đơn nên nguyên đơn mới giao số tiền 300.000.000 đồng để bị đơn thực hiện việc làm các thủ tục theo thỏa thuận trên. Tuy nhiên, bị đơn đã nhận tiền mà lại không thực hiện công việc theo thỏa thuận nên nguyên đơn bị ông NLQ2 kiện đòi bồi thường tiền đặt cọc. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ với ông NLQ2 nhưng bị đơn thì chỉ mới trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho nguyên đơn mà còn thoái thác trách nhiệm cho người khác đó là bà Nguyễn Thị T nhưng nguyên đơn không có đưa tiền cho bà Nguyễn Thị T mà chỉ đưa tiền cho bị đơn, lúc nhận tiền bị đơn không hề nói giao cho ai làm mà chỉ nói là bị đơn sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục để ông NLQ2 xây dựng cây xăng. Nay bị đơn cũng đã thừa nhận nợ nguyên đơn 250.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã nhận, còn việc bị đơn có giao tiền cho ai thì bị đơn tự chịu trách nhiệm chứ nguyên đơn không thể đòi tiền bà Nguyễn Thị T vì nguyên đơn không biết bà Nguyễn Thị T và cũng không có giao tiền bà Nguyễn Thị T mà chỉ giao tiền cho ông Dương Hồng H nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nhận nhưng hiện tại chỉ còn nợ 250.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn - ông Dương Hồng H trình bày:

Ông có nhận của nguyên đơn 300.000.000 đồng để làm các công việc như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, số tiền này ông đã giao cho bà Nguyễn Thị T, do bà Nguyễn Thị T không thực hiện các công việc theo thỏa thuận dẫn đến việc ông bị nguyên đơn khởi kiện đòi ông trả số tiền đã nhận nên ông không có khả năng trả số tiền còn nợ 250.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Nay ông cũng có kiện đòi bà Nguyễn Thị T trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị T đã bỏ trốn nên ông không thể đòi được số tiền bà Nguyễn Thị T đã nhận. Vì vậy, ông cũng không có khả năng để trả nợ cho nguyên đơn.

Vụ việc đã được hòa giải tại Tòa án nhân dân quận N nhưng đến giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn không đến và qua xác minh thì được biết bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận C nên Tòa án nhân dân quận N đã chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân quận C để giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, Tòa án nhân dân quận C đã thụ lý và tiến hành các thủ tục triệu tập đương sự, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng ông Dương Hồng H và bà NLQ1 vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, căn cứ qui định của pháp luật tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Hồng H và bà NLQ1. Riêng đối với ông NLQ2 thì đã có ủy thác lấy lời khai và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 25.5.2017 của Tòa án nhân dân quận C đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn - ông Dương Hồng H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn - ông Nguyễn Quang D số tiền gốc là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả nợ thì còn phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03.8.2017, bị đơn ông Dương Hồng H kháng cáo bản án sơ thẩm; Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng cả hình thức lẫn nội dung, cụ thể:

- Về hình thức:

. Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền, đáng ra phải là Tòa án nhân dân quận N.

. Cấp sơ thẩm tổng đạt cho bị đơn địa chỉ cũ trong khi đó bị đơn đã đi khỏi nơi đây từ năm 2010.

. Không đưa bà Nguyễn Thị T vào tham gia tố tụng là vi phạm.

- Về nội dung:

. Án sơ thẩm áp dụng pháp lệnh số 10 để tuyên về án phí là không phù hợp vì pháp lệnh này đã hết hiệu lực từ ngày 01.01.2017.

. Nhận định của sơ thẩm về phương thức thỏa thuận thi hành án thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án quận C là trái luật.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Xét về hình thức kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

+ Về hướng giải quyết vụ án:

Cần điều chỉnh lại qua hệ pháp luật, trong vụ kiện này là “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, không phải tranh chấp “đòi lại tài sản”.

Đối với người tham gia tố tụng thấy rằng bị đơn và nguyên đơn có mối quan hệ độc lập. Vì vậy không đưa bà Nguyễn Thị T vào tham gia tố tụng là không sai.

Đối với việc tổng đạt cho bị đơn là phù hợp theo địa chỉ do Công an địa phương xác nhận. Hơn nữa, cấp sơ thẩm đã tổng đạt cho bị đơn 04 nơi khác nhau theo khai nhận về nơi ở của bị đơn trước khi xét xử vắng mặt bị đơn.

Việc áp dụng pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án là phù hợp.

Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét quan hệ pháp luật trong trường hợp tranh chấp này được xác định là “tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Nguyên đơn giao cho bị đơn 300.000.000đ để lo thủ tục giấy tờ nhà đất. Cụ thể là xin phép và các thủ tục khác để thành lập cây xăng trong thời hạn 04 tháng nhưng bị đơn không thực hiện được. Tuy nhiên, bị đơn lại tự mình chuyển giao nghĩa vụ này cho người thứ ba (theo khai nhận của bị đơn là bà Nguyễn Thị T) và tự động giao số tiền 300.000.000đ nêu trên cho bà Nguyễn Thị T. Quá trình tranh chấp ông Dương Hồng H trả lại cho ông Nguyễn Quang D 50.000.000đ. vì vậy, nguyên đơn đòi bị đơn trả tiếp 250.000.000đ là có căn cứ. (Quan hệ pháp luật giữa ông NLQ2, ông Nguyễn

Quang D, ông Dương Hồng H trong việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ kiện này).

[2]. Về tố tụng:

Án sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ như phân tích của đại diện Viện kiểm sát; Hơn nữa, khi thay đổi địa chỉ thì bị đơn phải có nghĩa vụ thông báo cho Tòa án biết, và lại nơi bị đơn tạm trú có vợ, con bị đơn cùng sinh sống nên bị đơn không thể cho rằng không biết thông tin gì về việc thụ lý giải quyết vụ kiện này. Bị đơn đã có lần tham dự hòa giải tại cấp sơ thẩm thì không thể cho rằng không biết việc xét xử ở sơ thẩm (BL: 27); Tuy nhiên hiện nay bị đơn đã biết bản án sơ thẩm, đã có kháng cáo hợp lệ nên quyền lợi của bị đơn không bị thiệt hại. Vì vậy, án sơ thẩm áp dụng Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Dương Hồng H, bà NLQ1 là phù hợp.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận một hợp đồng dịch vụ (giấy thỏa thuận, BL: 19) bị đơn không thực hiện được nhưng không giải quyết với ông Nguyễn Quang D mà chuyển trách nhiệm của mình cho bà Nguyễn Thị T theo thừa nhận của bị đơn thì bà Nguyễn Thị T đã bỏ trốn. Lỗi gây ra việc nguyên đơn thiệt thòi là do bị đơn. Vì vậy, nguyên đơn đòi lại 250.000.000 đồng nêu trên là hoàn toàn phù hợp. Lỗi của bị đơn thể hiện ở chỗ tự động giao việc của mình cho người khác thực hiện thay mà không được sự đồng ý của ông Nguyễn Quang D. Tại phiên tòa và qua hồ sơ thể hiện nguyên đơn không biết bà Nguyễn Thị T, không giao tiền cho bà Nguyễn Thị T mà chỉ biết bị đơn. Chứng tỏ nguyên đơn không thể hiện việc tự nguyện trong việc ông Dương Hồng H giao tiền cho bà Nguyễn Thị T. (Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Căn cứ Điều 122; 123 Bộ luật Dân sự 2015 thì giao dịch này vô hiệu, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại cho nhau những gì đã nhận, người có lỗi phải bồi thường nhưng nguyên đơn không yêu cầu bồi thường mà chỉ yêu cầu ông Dương Hồng H trả lại 250.000.000đ là có lợi cho ông Dương Hồng H.

Đối với bà Nguyễn Thị T, án sơ thẩm đã tách ra thành vụ kiện khác khi ông Dương Hồng H có yêu cầu.

Đối với bà NLQ1, nguyên đơn từ sơ thẩm đến phúc thẩm không yêu cầu liên đới cùng với ông Dương Hồng H trả tiền nên án sơ thẩm không buộc bà

NLQ1 liên đới với ông Dương Hồng H trả số tiền trên. Đây là sự tự định đoạt của nguyên đơn.

[4]. Về việc tính lãi suất khi bị đơn chậm thi hành án, cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. (Cấp phúc thẩm có điều chỉnh án sơ thẩm ở phần này).

Đối với thời hạn và phương thức thi hành án, các bên có thể thỏa thuận theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Án sơ thẩm nhận định “thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án ...” là chưa chuẩn.

Về án phí dân sự: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật hiện hành (Điều 48 điều khoản chuyển tiếp) tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30.12.2016.

Qua phân tích trên nhận thấy: Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận: bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Hủy án sơ thẩm là chưa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; 39; 266; 271; 272; 273; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 116; 122; 123; 131; 166; 513; 514 và 517 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn - ông Dương Hồng H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn - ông Nguyễn Quang D số tiền gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Hồng H phải chịu 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Quang D được nhận lại 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 003219 ngày 05.4.2015 tại Chi cục thi hành án quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Dương Hồng H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009350 ngày 03.8.2017 thành án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND.TP. Cần Thơ;
- TA.ND.Q.C;
- THA.Q.C;
- THA.Q.N;
- Lưu.

Đặng Văn Hùng